

THỦ TƯỚNG CHÍNH
PHỦ
Số: 269/2003/QĐ-TTg

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 22 tháng 12 năm 2003

QUYẾT ĐỊNH

Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Hàng hải Việt Nam

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;
Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 30 tháng 6 năm 1990;
Căn cứ Nghị định số 34/2003/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;
Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và Bộ trưởng Bộ Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí và chức năng

Cục Hàng hải Việt Nam là tổ chức trực thuộc Bộ Giao thông vận tải, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về chuyên ngành hàng hải trong phạm vi cả nước theo quy định của pháp luật.

Cục Hàng hải Việt Nam có tư cách pháp nhân, có con dấu hình Quốc huy, được hưởng kinh phí từ ngân sách nhà nước cấp, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và có trụ sở đặt tại thành phố Hà Nội.

Cục Hàng hải Việt Nam có tên giao dịch viết bằng tiếng Anh: VIETNAM MARITIME ADMINISTRATION, viết tắt là: VINAMARINE.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Xây dựng trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải chiến lược, quy hoạch phát triển, kế hoạch dài hạn, 5 năm, hàng năm, các chương trình, dự án thuộc ngành hàng hải

trong phạm vi cả nước.

2. Xây dựng, trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải các văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực hàng hải.

3. Xây dựng, trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm, định mức kinh tế - kỹ thuật và quy chế quản lý chuyên ngành về hàng hải.

4. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm và định mức kinh tế - kỹ thuật chuyên ngành hàng hải được cấp có thẩm quyền ban hành, phê duyệt; quy định việc áp dụng cụ thể một số tiêu chuẩn, quy trình kỹ thuật - nghiệp vụ đối với các tổ chức, đơn vị hoạt động trong lĩnh vực về hàng hải phù hợp với pháp luật về hàng hải và thẩm quyền quản lý, điều hành của Cục; thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về hàng hải.

5. Về quản lý hệ thống cảng biển, luồng tàu biển và khu vực neo đậu tàu, thuyền:

a) Xây dựng các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật để Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải xem xét trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ hoặc ban hành theo thẩm quyền về quản lý hoạt động hàng hải tại cảng biển và các khu vực hàng hải tại Việt Nam;

b) Xây dựng các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật để Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải xem xét trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ hoặc ban hành theo thẩm quyền quy hoạch hệ thống cảng biển, luồng tàu biển và các khu vực neo đậu tàu, thuyền;

c) Trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải công bố hoặc thực hiện công bố theo thẩm quyền việc đóng, mở cảng biển, vùng nước cảng biển, luồng tàu biển và khu vực neo đậu tàu, thuyền theo quy định của pháp luật;

d) Tổ chức thực hiện việc cho phép tàu, thuyền ra, vào hoạt động tại các cảng biển, khu vực hoạt động hàng hải theo quy định của pháp luật;

đ) Trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định tiêu chuẩn kỹ thuật khai thác cảng biển, luồng tàu biển, hệ thống báo hiệu hàng hải; thực hiện quản lý kết cấu hạ tầng cảng biển, luồng tàu biển và khu vực neo đậu tàu, thuyền theo phân cấp quản lý.

6. Về quản lý tàu biển và thuyền viên:

- a) Xây dựng các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật để Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải xem xét trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành về đăng ký thuyền viên và mua, bán, đăng ký tàu biển;
- b) Trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định danh mục tàu biển phải đăng ký; tổ chức thực hiện đăng ký tàu biển theo quy định của pháp luật;
- c) Tổ chức đăng ký thuyền viên; thực hiện việc cấp giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, hộ chiếu thuyền viên và các giấy tờ khác có liên quan đến hoạt động hàng hải của thuyền viên theo quy định của pháp luật;
- d) Tổ chức đào tạo, huấn luyện, cấp chứng chỉ chuyên môn cho thuyền viên theo quy định của pháp luật Việt Nam và chức danh tiêu chuẩn được quy định trong các Điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc gia nhập.

7. Về vận tải và dịch vụ hàng hải:

- a) Xây dựng dự thảo văn bản quy phạm pháp luật để Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành các quy định về điều kiện kinh doanh vận tải biển, điều kiện kinh doanh các dịch vụ hàng hải và tổ chức việc thực hiện các quy định đó;
- b) Kiểm tra việc tổ chức thực hiện cấp, đình chỉ, gia hạn, sửa đổi, thu hồi hoặc hủy bỏ các chứng nhận, chứng chỉ chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến dịch vụ hàng hải;
- c) Tham gia xây dựng khung giá cước hoặc cước, phí vận tải, xếp dỡ, các dịch vụ hàng hải được hoạt động độc quyền và những dịch vụ mà nhà nước trợ giá hoặc giao cho doanh nghiệp thực hiện;
- d) Tổ chức thống kê, nghiên cứu, dự báo thị trường vận tải và dịch vụ hàng hải, sự phát triển các luồng hàng, lưu lượng hành khách, các tuyến hàng hải trong nước và quốc tế.

8. Về an toàn hàng hải:

- a) Trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về bảo đảm an toàn hàng hải; tổ chức thực hiện bảo đảm an toàn hàng hải đối với tàu, thuyền hoạt động tại các cảng